HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03/2025/NQ-HĐND	*Tây Ninh, ngày 07 tháng 8 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Thực hiện Quyết định số 32/QĐ-VPQH ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng Quốc hội về việc điều chỉnh một số định mức chi trong Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Căn cứ Thông tư số 54/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 35 Thông tư số 71/2018/TT-BTC

ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Xét Tờ trình số 97/TTr-HĐND-PC ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Nghị quyết quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số 102/BC-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Nghị quyết quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 07 tháng 8 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Nghị quyết này thay thế:

a) Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Tây Ninh;

b) Nghị quyết số 49/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Tây Ninh;

c) Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An ban hành Quy định về một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Long An;

d) Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên

địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 07 tháng 8 năm 2025.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản Quản lý xử lý vi phạm hành chính-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc nhà nước khu vực XVIII;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh Tây Ninh
(*Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 03/2025/NQ-HĐND ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh*)

CHƯƠNG 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND) hai cấp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND hai cấp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh được áp dụng đối với hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND, cán bộ, công chức, người lao động và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được mời tham gia các hoạt động của HĐND.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Các nội dung chi nếu được tổ chức, thực hiện vào ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ thì mức chi gấp 02 lần các mức chi tương ứng quy định tại Nghị quyết này. Các chế độ về hoạt động của HĐND và đại biểu HĐND không quy định trong Nghị quyết này thì được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

2. Việc sử dụng kinh phí hoạt động của HĐND phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

3. Các định mức chi tiêu quy định tại Nghị quyết này là mức chi tối đa. Thường trực HĐND cấp xã căn cứ tình hình thực tế địa phương quyết định mức chi cụ thể nhưng không được thấp hơn 80% mức chi theo Nghị quyết này.

CHƯƠNG II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung chi và mức chi

1. Chi phục vụ kỳ họp HĐND, Hội nghị tổng kết nhiệm kỳ của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
1.1	**Chi cho các kỳ họp HĐND:**			
a	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời tham dự, cán bộ, công chức, nhân viên trực tiếp phục vụ kỳ họp	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	100.000	70.000
b	Chế độ nước uống	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	50.000	50.000
c	Chi hỗ trợ tiền xăng cho đại diện cử tri được mời tham dự kỳ họp	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	100.000	50.000
d	Chi bồi dưỡng, hỗ trợ hoạt động phục vụ kỳ họp:			
	- Chủ tọa và thư ký kỳ họp	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	150.000	100.000
	- Tổ trưởng và thư ký tổ thảo luận	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	50.000	40.000
	- Đội cảnh sát bảo vệ (lực lượng bảo vệ)	đồng/buổi (nửa ngày)	500.000	250.000
	- Đội ngũ phục vụ công tác truyền hình trực tiếp của Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh	đồng/buổi (nửa ngày)	1.500.000	
	- Đội ngũ nhân viên phục vụ công tác hậu cần (Văn phòng Tỉnh uỷ, Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, khác…)	đồng/buổi (nửa ngày)	500.000	
đ	Tiền phòng nghỉ cho đại biểu HĐND, khách mời tham dự và cán bộ, công chức, nhân viên trực tiếp phục vụ kỳ họp:			

	- Đối với đại biểu HĐND, đại biểu khách mời dự kỳ họp HĐND, cán bộ, công chức, nhân viên trực tiếp phục vụ kỳ họp HĐND có trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp	- Cơ quan sử dụng biên chế thực hiện việc chi trả tiền thuê phòng nghỉ cho các đối tượng này. - Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định của tỉnh và quy định của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
	- Đối với đại biểu HĐND, đại biểu khách mời dự kỳ họp HĐND, cán bộ, công chức, nhân viên trực tiếp phục vụ kỳ họp HĐND không thuộc đối tượng nêu trên	- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh thực hiện việc chi trả tiền thuê phòng nghỉ cho các đối tượng này - Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định của tỉnh và quy định của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		
e	Các nội dung khác như: tiền thuê hội trường, trang trí hội trường, in sao tài liệu, thuê giảng viên, bồi dưỡng báo cáo viên, tiền thuê phương tiện đưa đón đại biểu...	- Thực hiện theo các quy định hiện hành		
g	Bồi dưỡng xây dựng: Bài phát biểu khai mạc kỳ họp HĐND; bài phát biểu bế mạc kỳ họp HĐND; trọng tâm thảo luận tổ và danh sách chia tổ thảo luận; dự kiến nội dung chương trình kỳ họp; tổng hợp ý kiến chất vấn tại kỳ họp; chương trình điều hành chất vấn; báo cáo 6 tháng của các Ban HĐND; báo cáo năm của các Ban HĐND phục vụ kỳ họp và các văn bản, báo cáo còn lại có liên quan đến kỳ họp	đồng/văn bản	500.000	300.000
h	Bồi dưỡng xây dựng: Chương trình điều hành kỳ họp; báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tại kỳ họp; báo cáo 6 tháng của Thường trực HĐND; báo cáo năm của Thường trực HĐND phục vụ kỳ họp; báo cáo kết	đồng/văn bản	800.000	400.000

	quả thực hiện chương trình giám sát phục vụ kỳ họp; báo cáo kết quả rà soát việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát phục vụ kỳ họp; biên bản kỳ họp; biên bản phiên chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp; thông báo kết quả kỳ họp			
i	Bồi dưỡng xây dựng: Tờ trình và dự thảo Nghị quyết do Thường trực HĐND, các Ban của HĐND trình (Không áp dụng đối với các Nghị quyết về: xác nhận kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi nhiệm vụ)	đồng/văn bản	500.000	300.000
k	Bồi dưỡng rà soát, hoàn thiện Nghị quyết (Không áp dụng đối với các Nghị quyết về: xác nhận kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi nhiệm vụ)	đồng/nghị quyết	300.000	100.000
1.2	**Chế độ chi phục vụ Hội nghị tổng kết nhiệm kỳ HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND**	- Áp dụng mức chi tại điểm a, điểm b, điểm e mục 1.1.		

2. Chi cho công tác thẩm tra:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
2.1	Chi các cuộc họp thẩm tra đối với báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết…trình kỳ họp:			
	- Người chủ trì cuộc họp	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	150.000	100.000
	- Thành viên tham dự cuộc họp	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	100.000	70.000

	- Nhân viên phục vụ, phóng viên báo đài	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	80.000	60.000
2.2	Bồi dưỡng xây dựng báo cáo thẩm tra phục vụ kỳ họp	đồng/văn bản	500.000	300.000
2.3	Bồi dưỡng xây dựng báo cáo thẩm tra hoặc văn bản cho ý kiến của Thường trực HĐND đối với các văn bản đề nghị của UBND tỉnh phát sinh giữa hai kỳ họp	đồng/văn bản	300.000	150.000

3. Chi công tác khảo sát, giám sát, chất vấn giữa 02 kỳ họp, phiên giải trình, tham vấn Nhân dân:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
3.1	**Hoạt động khảo sát:**			
	Bồi dưỡng xây dựng văn bản về khảo sát: Kế hoạch khảo sát; kết luận Trưởng đoàn khảo sát tại các sở, ngành, đơn vị, địa phương; báo cáo tổng hợp các nội dung qua khảo sát để làm việc với các sở, ngành, đơn vị, địa phương; thông báo kết luận khảo sát; báo cáo kết quả khảo sát…	đồng/văn bản	450.000	300.000
	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, đại biểu HĐND, thành viên đoàn khảo sát, đại biểu được mời tham gia đoàn khảo sát, cán bộ, công chức, phóng viên báo đài, nhân viên phục vụ tham dự các cuộc họp liên quan đến công tác khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại			

	biểu HĐND được chi bồi dưỡng, mức chi như sau:			
	- Người chủ trì	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	150.000	100.000
	- Thành viên tham dự	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	100.000	70.000
	- Nhân viên phục vụ, phóng viên báo đài	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	80.000	60.000
3.2	**Hoạt động giám sát, chất vấn giữa 02 kỳ họp, phiên giải trình, tham vấn Nhân dân:**			
	Bồi dưỡng xây dựng văn bản về giám sát, chất vấn giữa 02 kỳ họp, phiên giải trình, tham vấn Nhân dân: Quyết định thành lập đoàn giám sát; kế hoạch giám sát, chất vấn giữa 02 kỳ họp, phiên giải trình, tham vấn Nhân dân; bài phát biểu; báo cáo đề dẫn; báo cáo tham luận; báo cáo tổng hợp các nội dung qua khảo sát để làm việc với các sở, ngành, đơn vị, địa phương; thông báo kết quả các hoạt động giám sát, chất vấn giữa 02 kỳ họp, phiên giải trình, tham vấn Nhân dân; kết luận Trưởng đoàn giám sát tại các sở, ngành, đơn vị, địa phương; báo cáo kết quả giám sát, chất vấn giữa 02 kỳ họp, phiên giải trình, tham vấn Nhân dân; thông báo kết luận giám sát, chất vấn giữa 02 kỳ họp, phiên giải trình, tham vấn Nhân dân; tờ trình và dự	đồng/văn bản	450.000	300.000

	thảo Nghị quyết về kết quả giám sát của HĐND …			
	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, đại biểu HĐND, thành viên đoàn giám sát, chất vấn giữa 02 kỳ họp, giải trình, tham vấn Nhân dân; đại biểu được mời tham gia đoàn giám sát, chất vấn giữa 02 kỳ họp, giải trình, tham vấn Nhân dân, cán bộ, công chức, phóng viên báo đài, nhân viên phục vụ tham dự các cuộc họp liên quan đến công tác giám sát, chất vấn giữa 02 kỳ họp, giải trình, tham vấn Nhân dân của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND được chi bồi dưỡng, mức chi như sau:			
	- Người chủ trì	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	150.000	100.000
	- Thành viên tham dự	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	100.000	70.000
	- Nhân viên phục vụ, phóng viên báo đài	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	80.000	60.000

4. Chi công tác tiếp xúc cử tri:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
4.1	Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri nhằm trang trải chi phí cần thiết như: trang trí hội trường, đặt bảng tên đại biểu, nước uống, bảo			

	vệ và các khoản chi khác, mức chi khoán như sau:			
	- Theo hình thức trực tiếp	đồng/điểm	1.200.000	750.000
	- Theo hình thức trực tuyến			
	+ Điểm cầu đặt tại cấp tỉnh	đồng/điểm	1.200.000	
	+ Điểm cầu đặt tại cấp xã	đồng/điểm		750.000
	Trường hợp nhiều cấp phối hợp tổ chức tiếp xúc chung một điểm thì chỉ thực hiện mức hỗ trợ của cấp cao nhất.			
4.2	Họp Tổ, cụm Tổ đại biểu HĐND trước, sau và giữa hai kỳ họp:			
	- Người chủ trì	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	150.000	100.000
	- Đại biểu HĐND, khách mời, chuyên viên tham mưu	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	100.000	70.000
	- Nhân viên phục vụ, phóng viên báo đài	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	80.000	60.000
4.3	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, đại biểu HĐND tiếp xúc cử tri, cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ tiếp xúc cử tri được chi bồi dưỡng, mức chi cụ thể như sau:			
	- Đại biểu, khách mời, chuyên viên tham mưu	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	100.000	70.000
	- Nhân viên phục vụ, phóng viên báo đài	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	80.000	60.000

4.4	Bồi dưỡng xây dựng: Kế hoạch tiếp xúc cử tri; đề cương tiếp xúc cử tri	đồng/văn bản	300.000	150.000
4.5	Bồi dưỡng xây dựng: Báo cáo kết quả thảo luận của Tổ, cụm Tổ đại biểu; báo cáo kết quả TXCT của Tổ	đồng/văn bản/Tổ	150.000	100.000
4.6	Bồi dưỡng xây dựng báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri	đồng/văn bản	800.000	300.000

5. Chi công tác tiếp công dân:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
5.1	Chi bồi dưỡng đại biểu HĐND tiếp công dân định kỳ, đột xuất (theo phân công của Thường trực HĐND); cán bộ, công chức, nhân viên trực tiếp phục vụ đại biểu HĐND tiếp công dân; lãnh đạo các cơ quan, đơn vị tham gia tiếp công dân	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	70.000	50.000
5.2	Xây dựng văn bản đề xuất giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo trình cấp có thẩm quyền	đồng/vụ, việc	400.000	150.000
5.3	Xây dựng báo cáo, thông báo kết quả tiếp công dân	đồng/vụ, việc	500.000	200.000

6. Chi công tác xây dựng, đóng góp văn bản quy phạm pháp luật, đề án, chương trình, kế hoạch, báo cáo:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
6.1	Bồi dưỡng xây dựng: Đề án, chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác nhiệm kỳ, hàng năm; báo cáo chuyên đề; báo cáo kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật; báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia góp ý các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết; báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp	đồng/văn bản	800.000	400.000

	văn bản quy phạm pháp luật, đề án, chương trình, kế hoạch, báo cáo. Riêng các đề án, chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác nhiệm kỳ, hàng năm, báo cáo chuyên đề của các Ban HĐND được chi bồi dưỡng, mức chi tối đa bằng 80% mức chi nêu trên			
6.3	Bồi dưỡng góp ý bằng văn bản đối với văn bản quy phạm pháp luật, đề án, chương trình, kế hoạch, báo cáo theo yêu cầu	đồng/văn bản	250.000	150.000

7. Chi hội nghị, các cuộc họp khác:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
7.1	Đại biểu được mời dự và cán bộ, công chức, nhân viên trực tiếp phục vụ các hội nghị, hội thảo, cuộc họp,… do Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu, Ban Biên tập Chương trình Tiếng nói cử tri, Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND, các tổ chức do Thường trực HĐND thành lập được chi theo các nội dung và mức chi như sau:			
	- Tiền nước uống	đồng/một buổi (nửa ngày)/người	50.000	50.000
	- Người chủ trì	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	150.000	100.000

	- Đại biểu, khách mời, cán bộ, công chức phục vụ	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	100.000	70.000
	- Nhân viên phục vụ, phóng viên báo đài	đồng/người/ buổi (nửa ngày)	80.000	60.000
7.2	Bồi dưỡng xây dựng: Bài phát biểu khai mạc; tham luận; chương trình, kịch bản; báo cáo đề dẫn; phát biểu bế mạc; thông báo kết quả; báo cáo phục vụ hội nghị, hội thảo, cuộc họp của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu	đồng/văn bản	400.000	250.000

8. Một số chế độ, chính sách đối với đại biểu HĐND

8.1. Chi kiêm nhiệm, đảm nhiệm đối với đại biểu HĐND:

Chức vụ kiêm nhiệm	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
Chủ tịch HĐND	Người/tháng	Thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành	Thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành
Trưởng Ban HĐND			35% mức lương cơ sở
Phó Trưởng Ban	mức lương cơ sở/người/ tháng	Không có kiêm nhiệm	Không có kiêm nhiệm
Ủy viên Ban HĐND	mức lương cơ sở/người/ tháng	30%	22%
Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND	mức lương cơ sở/người/ tháng	25%	20%
Tổ phó Tổ đại biểu HĐND	mức lương cơ sở/người/ tháng	20%	15%

- Cơ quan sử dụng biên chế thực hiện việc chi trả phụ cấp kiêm nhiệm cùng kỳ với chi trả lương hàng tháng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

- Người kiêm nhiệm, đảm nhiệm nhiều công việc trong một cấp HĐND thì được

hưởng một mức hỗ trợ hoặc phụ cấp cao nhất.

8.2. Chi hỗ trợ hoạt động của đại biểu HĐND:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
a	Chế độ tiền lương, hoạt động phí cho đại biểu HĐND; hỗ trợ bảo hiểm y tế cho đại biểu không hưởng lương từ ngân sách	Thực hiện theo quy định hiện hành		
b	Chi bồi dưỡng đại biểu HĐND là thành viên Thường trực HĐND, thành viên các Ban HĐND tự nghiên cứu để tham gia ý kiến phục vụ công tác thẩm tra xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND	đồng/đại biểu/nghị quyết ban hành	100.000	70.000
c	Chi hỗ trợ đại biểu HĐND tham gia đào tạo, bồi dưỡng do các cơ quan, đơn vị, tổ chức ở Trung ương, tỉnh, cấp xã tổ chức	Nội dung chi, mức chi: Áp dụng theo quy định hiện hành		
d	Hỗ trợ kinh phí khoán trang phục: - Đại biểu HĐND; - Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; lãnh đạo, công chức Văn phòng HĐND và UBND cấp xã được phân công phụ trách tham mưu, giúp việc cho HĐND cấp xã. Trong trường hợp đại biểu HĐND được bầu ở hai cấp thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ ở cấp cao nhất	đồng/nhiệm kỳ/người	7.000.000 5.000.000	3.500.000 2.500.000
đ	Hỗ trợ kinh phí trang cấp một cặp da tài liệu	đồng/nhiệm kỳ/đại biểu	1.000.000	500.000
e	Trong một nhiệm kỳ, mỗi đại biểu HĐND tỉnh, lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh được trang cấp một máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương) để thực hiện nhiệm vụ đại biểu. Riêng đối với cấp xã, tuỳ theo điều	máy/nhiệm kỳ/người	01	01

	kiện khả năng ngân sách mỗi cấp, Thường trực HĐND cấp xã thống nhất với Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng đề án trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Mức chi thực hiện theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị. Trong trường hợp đại biểu HĐND được bầu ở hai cấp thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ ở cấp cao nhất			
g	Trang cấp 01 huy hiệu cho đại biểu HĐND/nhiệm kỳ	Thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm, hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành		
h	Trang cấp sổ tay cho đại biểu HĐND	01 quyển/đại biểu/01 kỳ họp	Thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm, hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành	
i	Chế độ quà tặng lưu niệm cho đại biểu HĐND khi kết thúc nhiệm kỳ, khi nghỉ hưu, nghỉ thôi việc hoặc thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND; cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; lãnh đạo, công chức Văn phòng HĐND và UBND cấp xã được phân công phụ trách tham mưu, giúp việc cho HĐND cấp xã khi kết thúc nhiệm kỳ	đồng/nhiệm kỳ/người	3.000.000	2.000.000
k	Hỗ trợ khoán chi phí khám, chăm sóc sức khỏe thường xuyên cho đại biểu HĐND (hình thức hỗ trợ khoán). Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu HĐND được hưởng 50% mức chi nêu trên.	đồng/năm/đại biểu	1.500.000	700.000

l	Hỗ trợ kinh phí khoán báo chí và phí truy cập Internet cho đại biểu HĐND; Lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trực tiếp phụ trách hoạt động HĐND; Lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND cấp xã được phân công phụ trách tham mưu, giúp việc cho HĐND cấp xã	đồng/tháng/ người	500.000	350.000
m	Khoán kinh phí hoạt động (văn phòng phẩm, nước uống) cho Tổ đại biểu HĐND	đồng/Tổ/ năm	3.000.000	1.200.000
n	Chi khen thưởng cho đại biểu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	người/lần	Mức chi theo quy định hiện hành	
o	Trong quá trình hoạt động, khi phát sinh nhu cầu về chi hoạt động đối nội, đối ngoại; tổ chức đoàn công tác đi học tập, trao đổi kinh nghiệm hoạt động ở các địa phương thì tùy theo điều kiện, khả năng ngân sách, Thường trực HĐND cấp đó xem xét, quyết định nội dung và mức chi, đảm bảo đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước.	Thanh toán theo quy định hiện hành.		
	Riêng quà tặng đối với các Đoàn đến và Đoàn đi học tập, trao đổi kinh nghiệm trong hoạt động HĐND	đồng/phần quà/đoàn	3.000.000	1.500.000

8.3. Chi thăm hỏi, phúng điếu:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
a	Mức chi thăm hỏi đại biểu, nguyên đại biểu đau ốm, nằm bệnh viện	đồng/lần/ đại biểu	2.000.000	1.500.000
b	Trợ cấp cho đại biểu, nguyên đại biểu bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn… (chi không quá 02 lần/người/năm)	đồng/lần/đại biểu	4.000.000	3.000.000

c	Hỗ trợ đại biểu có cha, mẹ đẻ; cha, mẹ (vợ, chồng) vợ, chồng; con từ trần	đồng/đại biểu	2.000.000	1.000.000
d	Chi tiền phúng điếu tang lễ đối với đại biểu đương nhiệm và nguyên là đại biểu HĐND; các đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý và thân nhân các đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý (cha, mẹ đẻ, cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng); các đối tượng khác do Thường trực HĐND quyết định	đồng/tang lễ	2.000.000	1.000.000

9. Chế độ chi cho chuyên gia:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
	Khi thực hiện công tác giám sát, thẩm tra, góp ý các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, nếu xét thấy cần thiết thì Thường trực HĐND, các Ban của HĐND có thể thuê chuyên gia, tư vấn hỗ trợ cho hoạt động giám sát, thẩm tra, góp ý các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết. Tuỳ theo nội dung, chất lượng công việc, Thường trực HĐND, Trưởng ban của HĐND quyết định mức chi cụ thể nhưng không quá mức chi tại quy định này:	đồng/việc	5.000.000	2.500.000

10. Chi công tác xã hội:

Thường trực HĐND các cấp thăm hỏi trong quá trình hoạt động; nhân dịp lễ; nhân dịp tết … mức chi như sau:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
10.1	Các tập thể diện chính sách gồm: Trung tâm nuôi dạy trẻ khiếm thị; trường dạy trẻ khuyết tật; trại dưỡng	đồng/lần	3.000.000	1.500.000

	lão; trại trẻ mồ côi; các đơn vị lực lượng vũ trang ở khu vực biên giới, cửa khẩu; trại điều dưỡng thương binh, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; các tổ chức khác do Thường trực HĐND quyết định nhưng không quá mức chi tại quy định này:			
10.2	Các cá nhân gia đình chính sách gồm: Gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, gia đình liệt sĩ, cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng 8/1945; các cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, gia đình và cá nhân gặp rủi ro do thiên tai, hoạn nạn; các đối tượng khác do Thường trực HĐND quyết định nhưng không quá mức chi tại quy định này:	đồng/lần	2.000.000	1.000.000

11. Chi khác

11.1. Chi hỗ trợ thực hiện chương trình "Tiếng nói cử tri" do Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh:

a) Chi hỗ trợ thực hiện chương trình "Tiếng nói cử tri" (mãng Phát thanh, Truyền hình), mức chi được giao khoán như sau:

- Đối với chương trình phát sóng mới: 2.000.000 đồng/chương trình được phát sóng. Đối với chương trình phát sóng lại, không chi hỗ trợ.

- Đối với chương trình phát sóng lại phiên họp chất vấn Kỳ họp HĐND tỉnh: 1.000.000 đồng/chương trình được phát sóng.

b) Chi hỗ trợ thực hiện chương trình "Tiếng nói cử tri" do (mãng báo chí), mức chi được giao khoán như sau: 300.000 đồng/chương trình.

Các mức chi giao khoán trên đã bao gồm các chi phí: Xây dựng kịch bản chương trình; biên tập và phát chương trình.

11.2. Chi hỗ trợ xây dựng video phục vụ cho hoạt động của HĐND:

- Cấp tỉnh 1.000.000 đồng/01 hoạt động.

- Cấp xã 500.000 đồng/01 hoạt động.

11.3. Chi phí nhiên liệu:

Chi phí nhiên liệu ô tô phục vụ Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh khi đi làm việc từ cơ sở 1 đến cơ sở 2 (và ngược lại); khi đi công tác theo kế hoạch, giấy mời (trường hợp tỉnh đã hỗ trợ chi phí này thì không thực hiện nội dung này).

Điều 5. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp quy định tại Nghị quyết này do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành; được phân bổ trong dự toán chi hàng năm của cơ quan, đơn vị quản lý kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND hai cấp và được quyết toán hàng năm với ngân sách cùng cấp./.